

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HC-PT

Ngày: 30/8/2017

*“V/v khởi kiện quyết định hành
chính”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung
- *Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Trọng Điệp
Ông Tôn Anh Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:* Ông Lê Phước Ngưỡng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 02/2017/TLPT-HC ngày 07/6/2017 về việc khởi kiện Quyết định hành chính của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H. Do bản hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 11/04/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị người khởi kiện là bà Trương Thị N kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2017/QĐPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1953; địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H.

Địa chỉ: đường H, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đình H- Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc C- Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Bích P, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu vực A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Ông Huỳnh Viết Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Ông Huỳnh Viết N, sinh năm 1984; địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Huỳnh Thị Minh C, sinh năm 1990; địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị N: Luật sư Lê Thị Trà M và Bùi Quang R – Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện- bà Trương Thị N trình bày:

Nguyên ngôi nhà và thửa đất số 84 diện tích 545,9 m² tọa lạc tại đường L, phường K, thành phố H do bà N và chồng là ông Huỳnh Viết T quản lý, sử dụng từ trước năm 1975, thửa đất này do mẹ của bà N cho bà N (con gái duy nhất). Sau khi chồng chết vào ngày 05/6/2006 bà N tiếp tục quản lý và sinh sống cùng các con. Bà N đã thiết lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, nhưng vào ngày 04/12/2015 bà N nhận được thông báo số 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND thành phố H về việc trả lại hồ sơ cho bà N. Nội dung thông báo “Theo xác nhận của UBND phường K, hiện tại bà N vẫn chưa cắm mốc phần diện tích lấn chiếm để bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, nên không thể xác lập phần diện tích còn lại của bà N để xác nhận đăng ký cấp giấy chứng nhận. Trường hợp này UBND phường K trả lại và không xác nhận hồ sơ. Do đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H chưa có cơ sở thẩm định đề đề xuất phòng tài nguyên và môi trường trình UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận”. Bà N cho rằng đất bà ở ổn định từ trước năm 1975 bà không lấn chiếm đất đai, không có tranh chấp với ai và không ai tranh chấp với bà, do đó việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND thành phố H ra thông báo số 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 trả lại hồ sơ cho bà là không đúng, nên bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ thông báo đó đồng thời buộc UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho bà.

2. Người bị kiện- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Ngày 30/11/2015 bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND thành phố H ra thông báo số 835/TB-BPTN trả lại hồ sơ cho bà N vì: - Theo xác nhận của UBND phường K thì bà N vẫn chưa cắm mốc diện tích lấn chiếm để bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, nên không thể xác lập phần diện tích còn lại của bà N để xác nhận đăng ký cấp giấy chứng nhận.

Về nguồn gốc thửa đất số 84, hiện do bà N đang sử dụng trước đây năm 1962 là đất của Giáo xứ K phân cho các hộ giáo dân ở, trong đó có phần đất cho bà Hoàng Thị Đ (dì của bà N) và ông Ng ở ước khoảng 500m² trong đó phần bà Đ 250 m², phần ông Ng 250 m². Đến năm 1970 bà Đ đi lấy chồng và để lại cho cháu gái là bà Trương Thị N ở, trong quá trình sử dụng đất bà N sử dụng luôn phần đất của ông Ng để trồng màu. Năm 1975 trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N và ông Võ Thành L (K). UBND phường K đã được đại diện Hội đồng giáo xứ K cung cấp nguồn gốc sử dụng đất của các hộ trên, nên vào ngày 31/7/1975 UBND phường đã có công văn số 57/VP-UB đề nghị UBND thành phố H có văn bản thu hồi phần đất

của ông Ng do bà N đang chiếm dụng. Đến ngày 18/01/1996 UBND thành phố H có công văn số 46/CV-UB về việc trả lời khiếu nại của bà N, trong đó có nội dung trả lời cho bà N biết là thành phố sẽ giao cho ban địa chính lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền giao phần đất của ông Ng (vắng chủ) cho địa phương quản lý theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của phường. UBND phường K đã nhiều lần mời ông T (chồng bà N) lên UBND phường để định vị phần đất giao cho phường quản lý, tuy nhiên ông T và bà N không hợp tác. Ngày 11/3/2014 UBND thành phố H có công văn số 500 yêu cầu UBND phường K chủ trì phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất để cắm mốc, xác định ranh giới giữa đất của bà N đang quản lý và phần diện tích lấn chiếm, có biên bản bàn giao phần đất lấn chiếm cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý. Qua nhiều lần làm việc bà N không hợp tác nên không thể xác định mốc giới. Phần diện tích của bà N để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Do đó bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND thành phố H trả lại hồ sơ cho bà N là đúng theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Huỳnh Thị Bích P, ông Huỳnh Viết Đ, ông Huỳnh Viết N, bà Huỳnh Thị Minh C đều thống nhất với phần trình bày của bà N, không bổ sung ý kiến gì thêm.

4. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 11/4/2017 Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng Điều 101; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ thông báo số 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Ngày 19/4/2017, người khởi kiện – bà Trương Thị N có đơn kháng cáo bản án số 01/2017/HC-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung như sau:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

6. Phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện- Bà Trương Thị N không rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm.

+ Người khởi kiện, người bị kiện và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm.

+ Kháng cáo của bà Trương Thị N phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng, nên chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung:

Đề nghị HĐXX tuyên: Thông báo số 835 ngày 30/11/2015 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên đề nghị HĐXX tuyên hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án hành chính nói trên cho Tòa án nhân dân thành phố giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 205; thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 209 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Trương Thị N:

Bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Thông báo số 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 29, diện tích 545,9m² tọa lạc tại đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà N trình bày nguồn gốc đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29, diện tích 545,9m² tọa lạc tại đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là do bà N và chồng là ông Huỳnh Viết T quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Thửa đất này là của mẹ bà N cho bà N. Sau khi ông T chết, bà N tiếp tục quản lý và sử dụng cùng các con.

Qua kiểm tra, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện nguồn gốc thửa đất bà N xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở như sau: Nguyên thửa đất số 84, tờ bản đồ 29, diện tích 545,9 m², tọa lạc tại đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện bà N đang sử dụng có nguồn gốc như sau: Trước năm 1962 thửa đất này là đất của Giáo xứ K phân cho các hộ gia đình giáo dân ở, trong đó có phân cho bà Hoàng Thị Đ (đi bà N) diện tích 250m² và ông Huỳnh N diện tích 250m². Hai lô đất này nằm liền kề nhau. Đến năm 1970 bà Đ khi lấy chồng nên để lại thửa đất nói trên cho mẹ bà N và bà N ở. Đối với

lô đất của ông Ng, do sau khi phân đất nhưng ông Ng không sử dụng nên vào năm 1988 mẹ con bà N đã sử dụng luôn phần diện tích nói trên và tiến hành đi đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền toàn bộ diện tích hai lô đất nói trên nhưng chưa được chấp nhận.

Quá trình sử dụng hai thửa đất nói trên thì có xảy ra tranh chấp chủ quyền đối với lô đất đã phân cho ông Ng trước đây giữa hộ bà N và hộ ông Võ Văn K. Tại Công văn số 46/CV-UB ngày 18/01/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Trương Thị N (BL 86) đối với phần diện tích 250m² của ông Ng nhưng bà đang sử dụng như sau “...giao phần đất này cho địa phương quản lý theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của phường K.”. Theo quy định pháp luật của pháp luật tại thời điểm giải quyết khiếu nại của bà N thì Công văn 46 ngày 18.01.1996 được xem là một quyết định hành chính giải quyết khiếu nại của công dân và quyết định đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Mặc dù khi thi hành Công văn 46 nói trên thì Ủy ban nhân dân thành phố H không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 250m² đã cấp cho ông Ng nhưng theo tinh thần trong nội dung Công văn 46 thì phần diện tích trước đây cấp cho ông Ng đã bị thu hồi và giao cho Ủy ban nhân dân phường K quản lý. Do đó việc bà N cho rằng diện tích 250m² trước đây phân cho ông Ng nhưng giáo xứ đã giao cho bà nên bà có quyền sở hữu, sử dụng diện tích này là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. Bên cạnh đó nếu nhìn tổng thể toàn bộ diện tích mà bà đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất với diện tích 545,9m² là không có căn cứ, bởi lẽ như đã phân tích ở trên thì trong tổng diện tích 545, 9m² thì chỉ có 500m² là có nguồn gốc xác thực còn 45,9m² còn lại hiện bà vẫn chưa đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh quyền sở hữu đối phần diện tích này. Vì vậy, trong quá trình bà xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nói trên thì các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai đã tiến hành kiểm tra, xác minh, đo đạc để xác định ranh giới, mốc giới, định vị phần đất phường K quản lý trong toàn bộ diện tích 545,9m² nhưng hộ gia đình bà không hợp tác (thể hiện tại BL 87,105).

Theo quy định của Luật đất đai tại Điều 99,100,101 Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 về hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thì bà Trương Thị N chưa có đầy đủ các giấy tờ quy định theo Luật đất đai và bà chưa thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước trong việc thực hiện cắm mốc, xác định ranh giới đất đai.

Với những phân tích trên đã thể hiện tính pháp lý của thông báo 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của văn phòng HĐND-UBND thành phố H. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà là không có căn cứ, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận.

[3]. Về nội dung, hình thức bản án sơ thẩm:

[3.1]. Về quan hệ pháp luật khi thụ lý, giải quyết:

Tòa án nhân dân thành phố Huế khi thụ lý và giải quyết đều xác định quan hệ pháp luật khi thụ lý đối với đơn khởi kiện của bà Trương Thị N là quyết định hành

chính (đối với thông báo số 835 ngày 30/11/2015 về việc trả lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H). Tuy nhiên, theo quy định của Luật tổ tụng hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính này phải là hành vi hành chính chứ không phải là quyết định hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết, xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N là quyết định hành chính là không đúng theo quy định pháp luật hành chính. Nay, HĐXX phúc thẩm sửa lại và xác định lại quan hệ pháp luật khi thụ lý là “khiếu kiện hành vi hành chính từ chối việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

[3.2] Về việc thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện bà N:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2015 của bà N thì bà khởi kiện thông báo 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc văn phòng HĐND-UBND thành phố H và xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố H. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/3/2016 bà N khởi kiện thông báo 835/TB-BPTN ngày 30/11/2015 của văn phòng HĐND và UBND thành phố H và xác định người bị kiện là Văn phòng HĐND và UBND thành phố H. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Huế lại tuyên “..yêu cầu hủy bỏ thông báo 835/TP-BPTN ngày 30/11/2015 của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H” là không đúng với nội dung đã phân tích trong bản án cũng như khi thụ lý xác định người bị kiện.

[3.3] Về xác định người bị kiện:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013 và Điều 37 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật đất đai đã nêu rõ về Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Qua các quy định nói trên cho thấy thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất của bà Trương Thị N là Ủy ban nhân dân thành phố H. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thành phố H chỉ là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân thành phố H chứ không phải là cơ quan được trao chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như trong trường hợp xin cấp của bà N. Việc bà N khởi kiện thông báo 835/TP-BPTN ngày 30/11/2015 của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thành phố H là đúng đối tượng nhưng xác định người bị kiện trong đơn khởi kiện bổ sung là không đúng theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H trong khi thụ lý và giải quyết là sai sót. HĐXX phúc thẩm nhận thấy cần xác định người bị kiện trong vụ án hành chính theo đúng quy định của Luật đất đai phải là Ủy ban nhân dân thành phố H.

[3.4] Về hình thức bản án:

Bản án không thực hiện đúng theo quy định tại Mẫu số 22-HC ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Như đã phân tích, vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là vụ án hành chính nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các điều luật quy định tại Luật tổ tụng hành chính cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành, pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án mà chỉ căn cứ vào Luật đất đai 2013 để tuyên không chấp yêu cầu của người khởi kiện là không đảm bảo tính thuyết phục cho bản án được ban hành và tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn tuyên không rõ ràng trong việc quyết định vụ án, không xác định chủ thể trong khi quyết định việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 105 Luật đất đai 2013.

Áp dụng Điều 37 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013

Áp dụng Điều 37 Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về Án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị N, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Sửa bản án sơ thẩm về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; xác định người bị kiện trong vụ án.

3. Án phí Hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Bà N đã nộp đủ 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 002796 ngày 11/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế nên nay được khấu trừ, khỏi phải nộp.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Tòa Hành chính TAND tỉnh
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THA thành phố Huế;
- Đường sự
- Lưu Hồ sơ, Tòa HC, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung